FireAnt

CTCP Cao su Thống Nhất (HSX: TNC)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	33,050
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	62,901
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	30,350
SL cổ phiếu LH	19,250,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,725
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	636
P/E	14.5
EPS	2,284

	YTD	1T	3T	6T
TNC	-2.7%	-7.6%	1.1%	-10.6%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

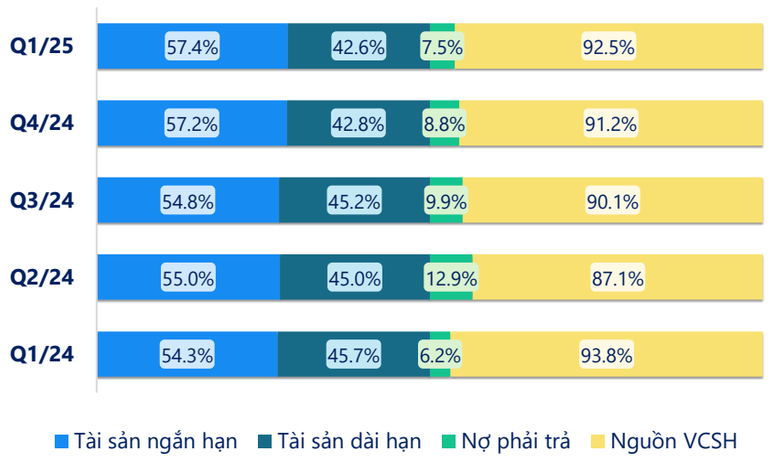

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

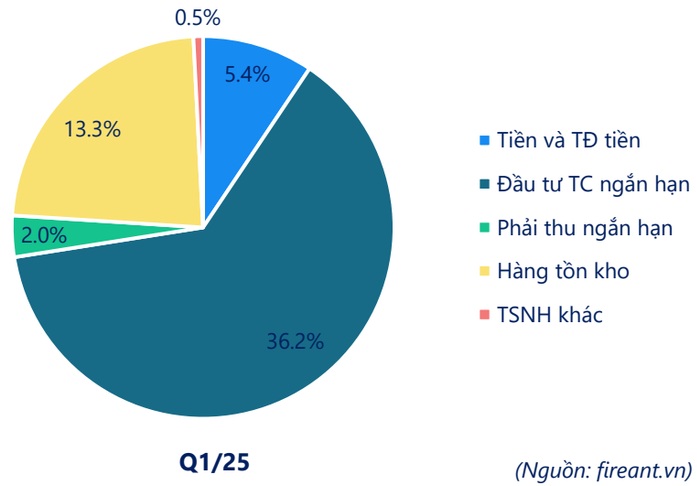

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

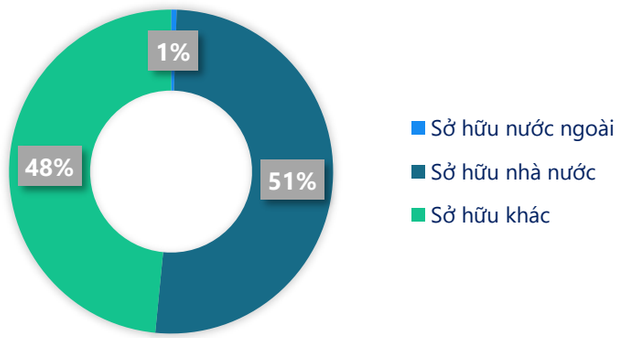

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

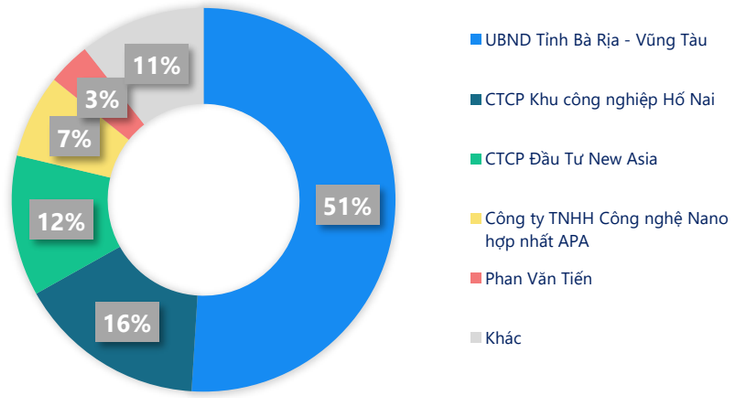

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

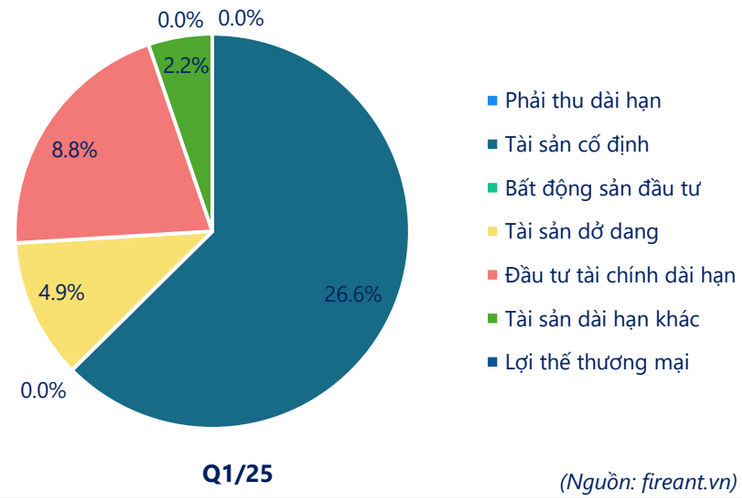

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Cao su Thống Nhất (HSX: TNC)

Tiền và tương đương tiền

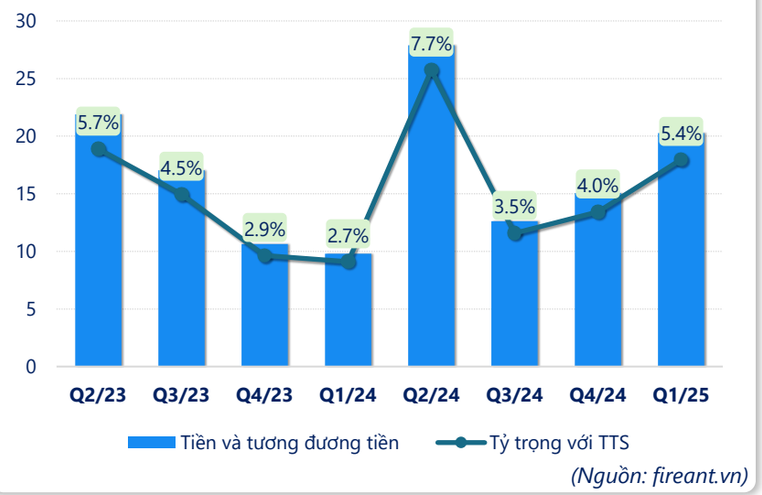

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

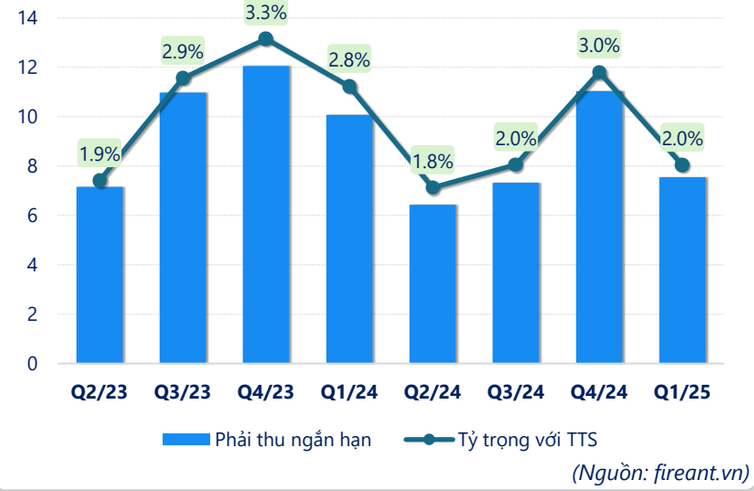

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

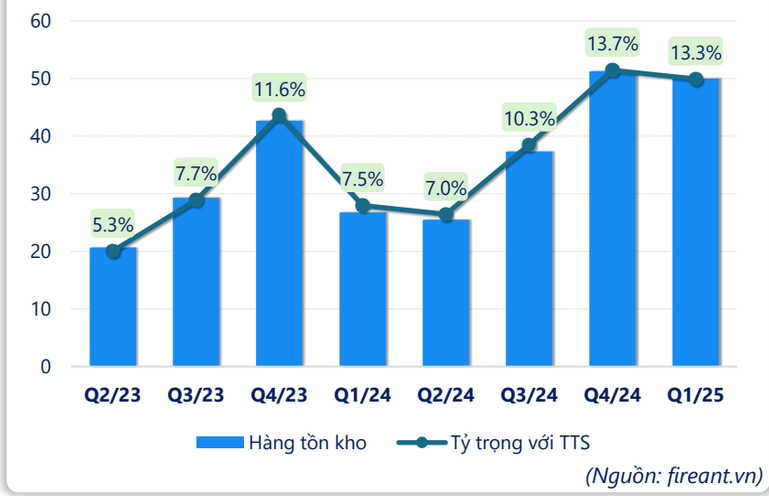

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

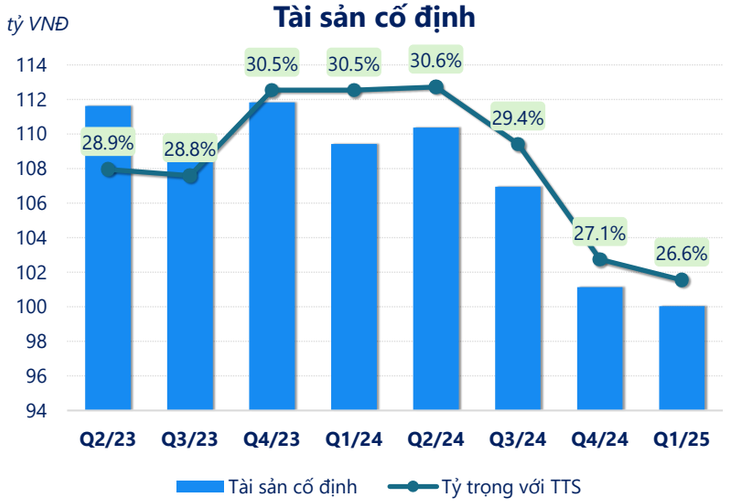

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

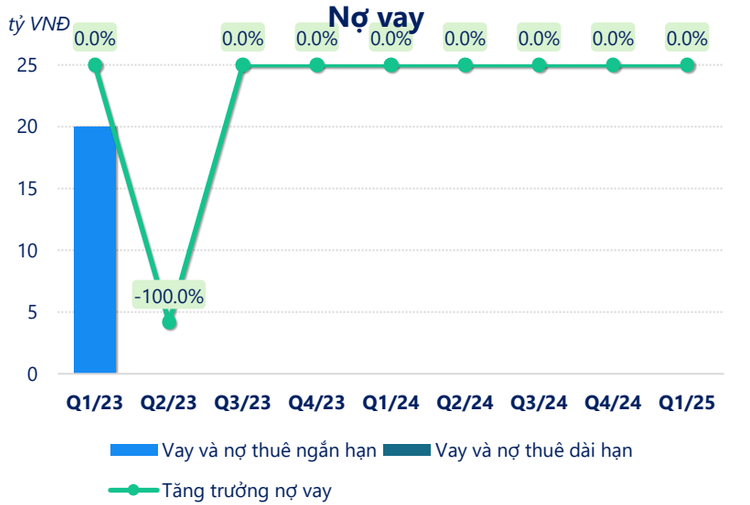

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

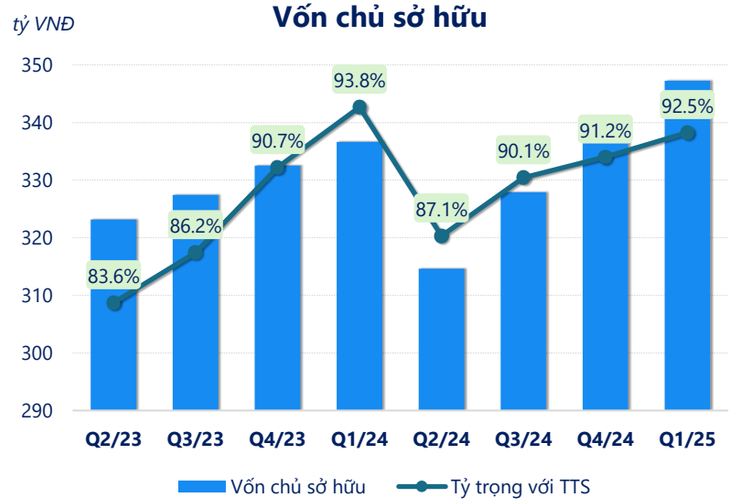

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Cao su Thống Nhất (HSX: TNC)

Kết quả kinh doanh

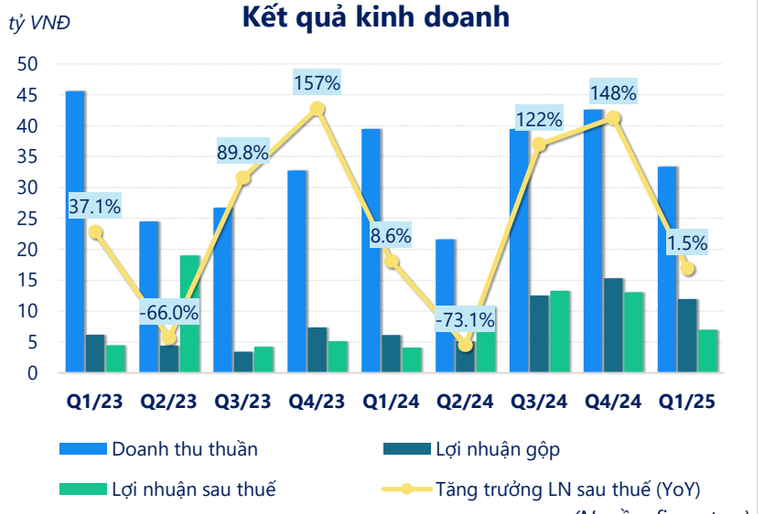

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

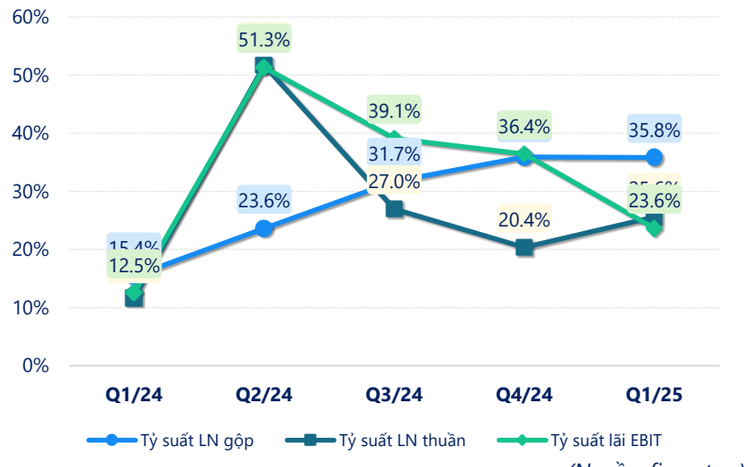

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

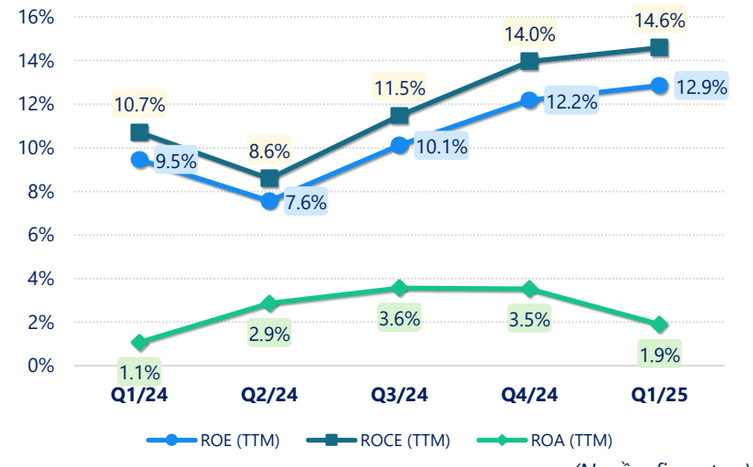

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

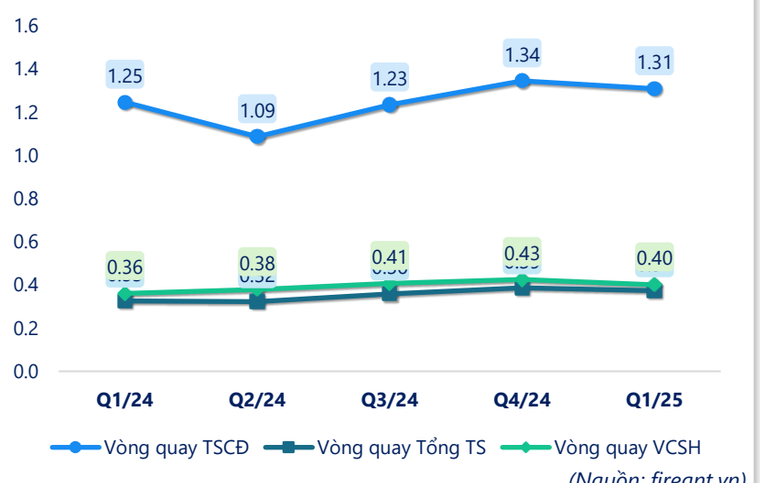

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

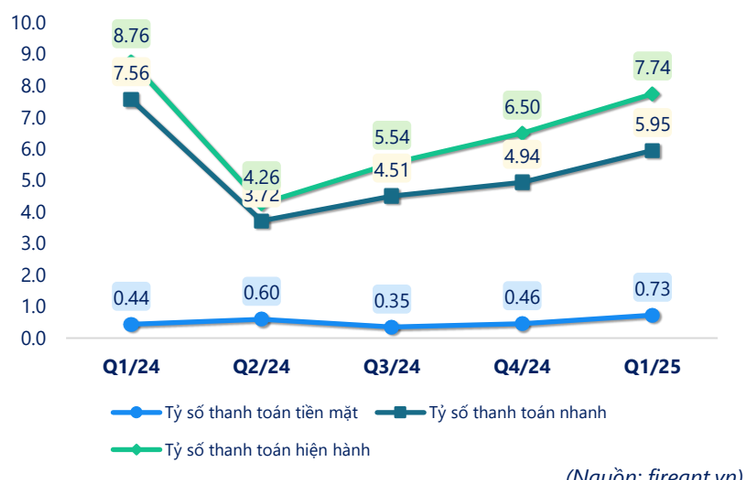

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

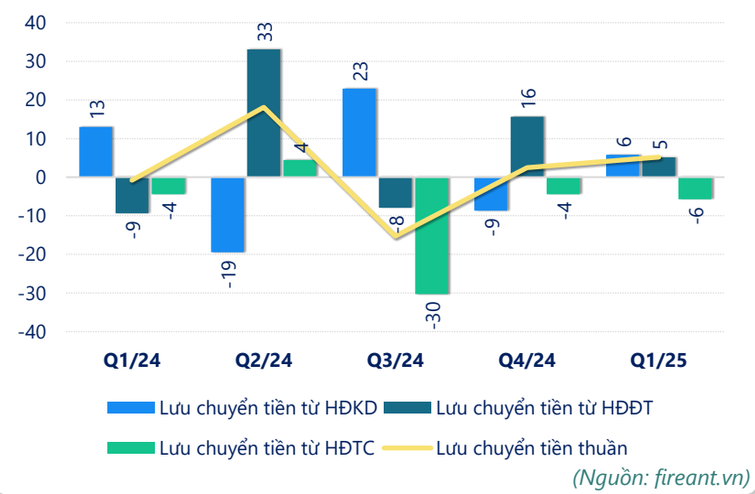

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Cao su Thống Nhất (HSX: TNC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**376**	**373**	**0.6%**
Tài sản ngắn hạn	216	213	1.0%
Tiền và tương đương tiền	20.3	15.1	34.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	136	136	0.0%
Phải thu ngắn hạn	7.55	10.8	-30.2%
Hàng tồn kho	50.0	51.3	-2.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.75	0.18	887%
Tài sản dài hạn	**160**	**160**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	100	102	-2.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	18.3	17.1	6.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	33.1	33.1	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**8.38**	**7.30**	**14.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	28.2	33.1	-14.6%
Nợ ngắn hạn	**27.9**	**32.7**	**-14.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.62	2.93	23.7%
Nợ dài hạn	0.39	0.39	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**347**	**340**	**2.1%**
Vốn chủ sở hữu	**347**	**340**	**2.1%**
Vốn điều lệ	193	193	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	39.5	21.6	39.5	42.6	33.3
Giá vốn hàng bán	33.4	16.5	26.9	27.3	21.4
Lợi nhuận gộp	6.10	5.11	12.5	15.3	11.9
Doanh thu HĐTC	2.57	11.3	1.46	1.68	1.66
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.11	3.02	1.11	2.21	2.62
Chi phí QLDN	1.94	2.18	2.21	6.09	2.44
LN thuần từ HĐKD	4.61	11.2	10.6	8.68	8.54
Lợi nhuận khác	0.34	-0.08	4.78	6.83	-0.66
LN trước thuế	4.95	11.1	15.4	15.5	7.88
Lợi nhuận sau thuế	4.07	10.7	13.2	13.0	6.99
LNST của CĐ cty mẹ	4.07	10.7	13.2	13.0	6.99

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.0	-19.4	22.9	-8.71	5.80
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.35	33.1	-7.92	15.6	5.14
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.43	4.43	-30.3	-4.47	-5.73
Tiền đầu kỳ	10.6	9.80	27.9	12.6	15.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.82**	**18.1**	**-15.3**	**2.43**	**5.21**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.80	27.9	12.6	15.1	20.3

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic